

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
THAC MO HYDROPOWER
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 752/TMP-TCKT

No.:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness**

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Dong Nai, March 31, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: - State Securities Commission of Vietnam;
- HoChiMinh Stock Exchange.**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ/
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company.

- Mã chứng khoán/*Stock code*: **TMP**.

- Địa chỉ/*Address*: Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai/
Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán (nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm)/ *Thac Mo Hydropower Joint Stock Company (“the Company”) discloses the audited consolidated financial statements for the fiscal year ending December 31, 2025 (detailed information is provided in the attached consolidated financial statements)*.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn <https://tmhpp.com.vn/c3/pages-f/Bao-cao-tai-chinh-5-454.aspx>./ *This information was published on the company’s website on*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 765/TMP-TCKT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v Giải trình ý kiến kiểm toán
trên báo cáo tài chính kiểm toán
năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 số 300326.048/BCTC.FIS1 và Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 số 300326.049/BCTC.FIS1, đơn vị kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Đồng thời, đơn vị kiểm toán độc lập có nêu **“Vấn đề cần nhấn mạnh”** như sau: *“Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 29 của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15”*.

Về nội dung này, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã chứng khoán: **TMP**) xin được giải trình như sau:

Theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 09/01/2026 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp, cơ cấu cổ đông của Công ty gồm 02 cổ đông lớn sở hữu 66.185.240 cổ phần, tương ứng 94,55% số cổ phiếu có quyền biểu quyết; 964 cổ đông không phải cổ đông lớn sở hữu 3.814.760 cổ phần, tương ứng 5,45% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Do đó, tại thời điểm nêu trên, Công ty chưa đáp ứng điều kiện có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Công ty đã thực hiện báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và công bố thông tin về tình trạng cơ cấu cổ đông

chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng tại Văn bản số 96/TMP-TCKT ngày 13/01/2026.

Hiện nay, Công ty vẫn đang nỗ lực làm việc với các cổ đông lớn và cấp có thẩm quyền liên quan để có phương án xử lý phù hợp.

Trên đây là nội dung giải trình thông tin về vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Lê Hoàng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 96/TMP-TCKT

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2026

V/v Báo cáo tình trạng cơ cấu cổ đông
của CTCP Thủy điện Thác Mơ không
đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trước tiên, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Thực hiện quy định tại Điều 32, 38, 39 Luật Chứng khoán năm 2019 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ thông báo về việc công ty không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 700 tỷ đồng căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800311306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 01/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/10/2025.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30/06/2025 theo Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025 là 1.522 tỷ đồng.

- Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (căn cứ danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 09/01/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp như sau:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu trên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu trên số cổ phiếu đã phát hành
Cổ đông lớn	2	66.185.240	94,55%	94,55%
Cổ đông không phải là cổ đông lớn	964	3.814.760	5,45%	5,45%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng	966	70.000.000	100%	100%

Như vậy, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, cụ thể: **không đảm bảo có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ.**

Hiện nay, Công ty đang nỗ lực làm việc với các cổ đông lớn và cấp có thẩm quyền liên quan để có phương án xử lý phù hợp với quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lê Hoàng

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và các lần sửa đổi, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800311306 (sửa đổi lần thứ 11) ngày 01/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Lê Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/05/2025
Ông Nguyễn Hùng Lương	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2026

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Lê Hoàng – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 29 của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



**Công ty TNHH
Hãng Kiểm toán AASC**

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Trần Minh Đức
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4372-2022-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.189.904.933.796	943.849.085.815
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	159.791.721.679	107.540.697.741
111	1. Tiền		10.678.581.953	6.260.697.741
112	2. Các khoản tương đương tiền		149.113.139.726	101.280.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	767.800.000.000	455.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		767.800.000.000	455.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		256.938.721.263	379.061.800.107
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	219.001.864.075	353.036.356.857
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.487.008.991	511.484.963
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	33.449.848.197	25.513.958.287
140	IV. Hàng tồn kho		2.080.896.694	563.315.610
141	1. Hàng tồn kho	7	2.080.896.694	563.315.610
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.293.594.160	1.683.272.357
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.850.640.856	1.466.348.226
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.442.953.304	216.924.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.062.100.601.390	1.081.082.224.383
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		955.107.000	895.107.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	955.107.000	895.107.000
220	II. Tài sản cố định		731.584.597.846	754.956.530.695
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	718.079.977.150	741.528.799.031
222	- Nguyên giá		3.335.376.907.450	3.262.556.211.498
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.617.296.930.300)	(2.521.027.412.467)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	13.504.620.696	13.427.731.664
228	- Nguyên giá		22.629.565.426	20.924.565.426
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.124.944.730)	(7.496.833.762)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.258.199.682	1.633.667.898
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.258.199.682	1.633.667.898
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	314.859.274.658	310.559.218.390
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		163.999.274.658	144.699.218.390
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.860.000.000	150.860.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	15.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.443.422.204	13.037.700.400
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	9.151.029.652	10.555.751.140
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25	421.872.442	552.369.150
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.870.520.110	1.929.580.110
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.252.005.535.186	2.024.931.310.198

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		558.974.445.878	485.026.794.787
310	I. Nợ ngắn hạn		331.415.903.480	204.911.243.341
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	101.611.524.001	34.911.540.999
313	2. Thuế và các khoản phải nộp	16	63.886.858.841	71.023.528.802
314	3. Phải trả người lao động		23.151.104.873	22.216.903.192
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.663.346.859	1.178.210.091
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	84.486.321.772	14.999.370.578
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	52.053.956.580	51.903.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.562.790.554	8.677.733.099
330	II. Nợ dài hạn		227.558.542.398	280.115.551.446
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	207.915.826.323	259.969.782.903
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15	19.642.716.075	20.145.768.543
400	D. NGUỒN VỐN		1.693.031.089.308	1.539.904.515.411
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.693.031.089.308	1.539.904.515.411
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		344.150.936.893	284.663.534.134
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		155.628.767.479	111.499.166.376
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		455.837.904.872	405.680.327.257
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		208.384.888.595	181.325.906.127
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		247.453.016.277	224.354.421.130
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.413.480.064	38.061.487.644
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.252.005.535.186	2.024.931.310.198



Hoàng Thị Thanh Thủy
 Người lập



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Lê Hoàng
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025		Năm 2024	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	752.046.809.378	763.629.129.418		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		752.046.809.378	763.629.129.418		
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	348.479.982.843	321.812.359.355		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		403.566.826.535	441.816.770.063		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	35.586.682.783	38.031.838.045		
22	7. Chi phí tài chính		19.510.962.866	24.553.111.621		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.510.962.866	24.553.111.621		
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		34.334.856.268	29.620.897.935		
25	9. Chi phí bán hàng		-	-		
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	67.813.952.084	59.355.820.463		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		386.163.450.636	425.560.573.959		
31	12. Thu nhập khác		412.354.000	51.778.980		
32	13. Chi phí khác		-	-		
40	14. Lợi nhuận khác		412.354.000	51.778.980		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		386.575.804.636	425.612.352.939		
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	63.390.716.431	70.241.122.334		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	130.496.708	218.133.385		
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		323.054.591.497	355.153.097.220		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		317.453.016.277	350.354.421.130		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.601.575.220	4.798.676.090		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	4.535	5.005		

Hoàng Thị Thanh Thủy
 Người lập

Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Hoàng
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Năm 2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết t	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		386.575.804.636	425.612.352.939
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		99.957.737.265	97.846.735.115
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(70.320.544.051)	(67.679.514.960)
06	Chi phí lãi vay		19.510.962.866	24.553.111.621
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		435.723.960.716	480.332.684.715
09	Giảm các khoản phải thu		115.587.817.251	316.595.205.359
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(1.458.521.084)	457.574.720
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		71.117.629.328	5.841.175.539
12	Giảm chi phí trả trước		945.987.016	1.728.186.742
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.567.697.085)	(24.749.502.675)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(71.935.688.723)	(68.827.336.946)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.628.997.545)	(21.087.163.456)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		514.784.489.874	690.290.823.998
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(78.461.106.826)	(37.813.354.200)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		399.005.000	26.778.980
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(812.000.000.000)	(589.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		514.200.000.000	365.500.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	247.300.000
27	6. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55.870.715.203	61.642.616.323
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(319.991.386.623)	(199.396.658.897)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(51.903.956.580)	(57.853.956.580)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(90.638.122.733)	(403.551.083.295)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(142.542.079.313)	(461.405.039.875)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		52.251.023.938	29.489.125.226
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	107.540.697.741	78.051.572.515
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	159.791.721.679	107.540.697.741


 Hoàng Thị Thanh Thủy
 Người lập


 Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Lê Hoàng
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ “Công ty” tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – “EVN”), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và các lần sửa đổi, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800311306 (sửa đổi lần thứ 11) ngày 01/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là TMP.

Tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND, tương ứng 70.000.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của toàn Công ty tại ngày 31/12/2025 là 154 người (tại ngày 31/12/2024 là 157 người).

b. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- ▶ Quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- ▶ Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp.

c. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	99,92%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 ("Chế độ kế toán EVN").

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau

ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/ vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 20 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▶ Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- ▶ Chi phí trả trước khác gồm chi phí phần mềm, bảo hiểm, sửa chữa bảo trì,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích từ 1 đến 3 năm hoặc theo kỳ hạn hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước lãi vay phải trả, chi phí mua bán điện, bảo vệ công trình và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện và Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm, kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2020

<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2015

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

<u>Đơn vị</u>	<u>Thuế suất</u>
---------------	------------------

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án điện mặt trời.
-----------------------------------	--

Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án thủy điện.
------------------------------------	--

Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thuế suất 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
-----------------------------------	---

2.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	200.206.221	-
Tiền gửi ngân hàng	10.478.375.732	6.260.697.741
Các khoản tương đương tiền (*)	149.113.139.726	101.280.000.000
	159.791.721.679	107.540.697.741

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	767.800.000.000	455.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	767.800.000.000	455.000.000.000
b) Dài hạn	-	15.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.000.000.000
	767.800.000.000	470.000.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,2%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2025				01/01/2025		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	%	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Lâm Đồng Việt Nam	20,00	20,00	162.835.999.140	20,00	20,00	143.261.142.872
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	Đồng Nai Việt Nam	29,00	29,00	1.163.275.518	29,00	29,00	1.438.075.518
				163.999.274.658			144.699.218.390

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-	149.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
	150.860.000.000	-	150.860.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	217.012.476.408	350.458.376.390
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	176.865.160.336	319.091.273.265
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	16.724.341.200	19.514.903.847
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	-	791.199.395
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.953.749.049	5.666.941.466
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	15.440.822.499	5.394.058.417
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	28.403.324	-
Bên khác	1.989.387.667	2.577.980.467
	219.001.864.075	353.036.356.857

6. Phải thu khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Lãi dự thu và cho vay	14.195.640.553	5.944.872.973
Cổ tức được chia	-	13.500.000.000
Phải thu về thuế GTGT	7.125.303.681	1.321.972.112
Các khoản chi hộ	7.827.021.362	317.593.516
Phải thu khác	4.301.882.601	4.429.519.686
	33.449.848.197	25.513.958.287
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	7.827.021.362	13.552.064.416
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	13.500.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.827.021.362	52.064.416
Bên khác	25.622.826.835	11.961.893.871
	33.449.848.197	25.513.958.287
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	955.107.000	895.107.000
	955.107.000	895.107.000

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	690.454.079	563.160.410
Công cụ, dụng cụ	155.200	155.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.390.287.415	-
	<u>2.080.896.694</u>	<u>563.315.610</u>

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phần mềm	426.345.098	347.373.875
Bảo hiểm	803.298.529	617.061.714
Khác	620.997.229	501.912.637
	<u>1.850.640.856</u>	<u>1.466.348.226</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất (Thuyết minh 19)	3.269.237.606	3.343.679.448
Chi phí sửa chữa bảo trì	2.468.703.846	3.610.569.041
Khác	3.413.088.200	3.601.502.651
	<u>9.151.029.652</u>	<u>10.555.751.140</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	1.751.410.720.079	1.280.502.382.230	189.272.300.405	41.370.808.784	3.262.556.211.498
Mua mới	4.844.763.489	52.291.893.736	4.567.637.193	11.912.796.996	73.617.091.414
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.514.483.628	-	-	-	1.514.483.628
Thanh lý	-	-	(2.048.189.090)	(262.690.000)	(2.310.879.090)
Tại ngày 31/12/2025	1.757.769.967.196	1.332.794.275.966	191.791.748.508	53.020.915.780	3.335.376.907.450
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	1.463.350.951.367	898.114.911.781	140.539.077.009	19.022.472.310	2.521.027.412.467
Khấu hao	25.012.092.598	61.188.584.483	7.147.338.659	5.225.835.387	98.573.851.127
Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khoa học công nghệ	-	5.301.735	-	1.244.061	6.545.796
Thanh lý	-	-	(2.048.189.090)	(262.690.000)	(2.310.879.090)
Tại ngày 31/12/2025	1.488.363.043.965	959.308.797.999	145.638.226.578	23.986.861.758	2.617.296.930.300
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	288.059.768.712	382.387.470.449	48.733.223.396	22.348.336.474	741.528.799.031
Tại ngày 31/12/2025	269.406.923.231	373.485.477.967	46.153.521.930	29.034.054.022	718.079.977.150

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.961.855.510.333 VND.
- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 321.261.532.462 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	16.325.753.650	4.598.811.776	20.924.565.426
Mua mới	-	1.705.000.000	1.705.000.000
Tại ngày 31/12/2025	16.325.753.650	6.303.811.776	22.629.565.426
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	6.316.397.378	1.180.436.384	7.496.833.762
Khấu hao trong năm	189.807.072	1.119.637.224	1.309.444.296
Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khoa học công nghệ	318.666.672	-	318.666.672
Tại ngày 31/12/2025	6.824.871.122	2.300.073.608	9.124.944.730
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	10.009.356.272	3.418.375.392	13.427.731.664
Tại ngày 31/12/2025	9.500.882.528	4.003.738.168	13.504.620.696

- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.010.228.903 VND.
- ▶ Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.207.902.598 VND.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty mẹ và các Công ty con tại:

- ▶ Thửa đất số 12, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 55, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 34, 117 Lê Đại Hành, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai. Thời hạn sử dụng đối với đất trồng cây lâu năm, đất thương mại, dịch vụ đến năm 2043. Thời hạn sử dụng đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh đến 03/04/2058.
- ▶ Xã Ngọc Tụ, xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn sử dụng đến 16/10/2057.
- ▶ Thôn Đăk Chờ, xã Ngọc Tụ, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.
- ▶ Thôn 6, xã Kon Đào, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2025, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

- ▶ Phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ, số tiền là 2.233.815.306 VND. Giá trị hợp đồng là 4.748.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện mô đun và thử nghiệm thực tế.
- ▶ Dự án sửa chữa lớn, số tiền là 1.024.384.376 VND. Dự án đã thực hiện thủ tục mời thầu, lập phương án kinh tế và đang trong giai đoạn nhận và đánh giá hồ sơ dự thầu.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	11.242.543.320	5.834.601.248
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	88.075.266	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	598.850.179	577.972.372
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	10.085.972.647	4.570.560.000
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	304.583.145	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	140.940.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	668.800.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	-	17.268.876
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đồng Nai	24.122.083	-
Bên khác	90.368.980.681	29.076.939.751
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	31.104.000.000	-
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống NHT	8.535.373.598	-
Khác	50.729.607.083	29.076.939.751
	101.611.524.001	34.911.540.999

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi vay	449.703.755	506.437.974
Chi phí xây lắp đường dây 22kV đấu nối vào MBA	1.649.317.475	-
Khác	564.325.629	671.772.117
	2.663.346.859	1.178.210.091

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả	82.540.936.883	13.587.257.016
Khác	1.945.384.889	1.412.113.562
	84.486.321.772	14.999.370.578

15. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.145.768.543	20.558.500.000
Sử dụng quỹ	(503.052.468)	(412.731.457)
Số dư cuối năm	19.642.716.075	20.145.768.543

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Phát sinh		31/12/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.644.847.522	54.602.977.493	55.031.120.579	-	3.072.990.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.698.024	56.001.969.739	71.935.688.723	63.390.716.431	-	47.428.299.423
Thuế thu nhập cá nhân	188.226.107	1.040.000	6.294.550.329	5.166.000.890	1.321.841.505	6.105.959
Thuế tài nguyên	-	4.552.032.957	91.455.625.796	92.960.607.270	-	6.057.014.431
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.330.151.579	2.209.039.780	121.111.799	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	7.823.638.584	31.140.371.376	30.639.181.212	-	7.322.448.420
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	9.492.162.000	9.492.162.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
	216.924.131	71.023.528.802	267.267.527.296	258.904.828.162	1.442.953.304	63.886.858.841

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Vay

	01/01/2025		Phát sinh		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai (2)	1.050.000.000	1.050.000.000	1.200.000.000	1.050.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
	51.903.956.580	51.903.956.580	52.053.956.580	51.903.956.580	52.053.956.580	52.053.956.580
b) Dài hạn						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	305.123.739.483	305.123.739.483	-	50.853.956.580	254.269.782.903	254.269.782.903
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai (2)	6.750.000.000	6.750.000.000	-	1.050.000.000	5.700.000.000	5.700.000.000
	311.873.739.483	311.873.739.483	-	51.903.956.580	259.969.782.903	259.969.782.903
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(51.903.956.580)	(51.903.956.580)	(52.053.956.580)	(51.903.956.580)	(52.053.956.580)	(52.053.956.580)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	259.969.782.903	259.969.782.903			207.915.826.323	207.915.826.323

17. Vay (tiếp)

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
(1) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3%	21/10/2030	Xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ (Thuyết minh 9)	254.269.782.903	305.123.739.483
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,4%	30/08/2030	Nâng cấp thiết bị Nhà máy thủy điện Đăkrosa	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 10) và tài sản gắn liền với đất (Thuyết minh 9)	5.700.000.000	6.750.000.000
					259.969.782.903	311.873.739.483

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT")	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND
Tại ngày 01/01/2024	700.000.000.000	254.130.345.832	3.553.090.628	589.754.111.331	39.442.971.750	1.586.880.519.541
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	350.354.421.130	4.798.676.090	355.153.097.220
Trích lập quỹ ĐTPT	-	-	138.479.264.050	(138.479.264.050)	-	-
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ ĐTPT	-	30.533.188.302	(30.533.188.302)	-	-	-
Hoàn nhập/(Trích lập) quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.861.058.846	(588.357.596)	1.272.701.250
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(397.810.000.000)	(5.591.802.600)	(403.401.802.600)
Tại ngày 31/12/2024	700.000.000.000	284.663.534.134	111.499.166.376	405.680.327.257	38.061.487.644	1.539.904.515.411
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	317.453.016.277	5.601.575.220	323.054.591.497
Trích lập quỹ ĐTPT (*)	-	-	105.757.953.862	(107.117.003.862)	1.359.050.000	-
(Hoàn nhập) quỹ ĐTPT (*)	-	-	(2.140.950.000)	3.500.000.000	(1.359.050.000)	-
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ ĐTPT	-	59.487.402.759	(59.487.402.759)	-	-	-
Hoàn nhập/(Trích lập) quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(9.678.434.800)	(657.780.200)	(10.336.215.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(154.000.000.000)	(5.591.802.600)	(159.591.802.600)
Tại ngày 31/12/2025	700.000.000.000	344.150.936.893	155.628.767.479	455.837.904.872	37.413.480.064	1.693.031.089.308

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025, các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông của các Công ty con và và Nghị quyết số 843/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Các công ty con phân phối cho			Cộng (3) = (1) + (2)	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2024
	Tại Công ty mẹ	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát		
	(1) VND	(2) VND	VND		
Trích/(Hoàn nhập) Quỹ Đầu tư phát triển	105.757.953.862	(2.140.950.000)	(1.359.050.000)	103.617.003.862	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên	7.695.406.000	1.983.028.800	657.780.200	9.678.434.800	-
Chi trả cổ tức (**)	280.000.000.000	8.808.197.400	5.591.802.600	288.808.197.400	126.000.000.000

(**) Trong đó, tại Công ty mẹ, cổ tức như sau:

- ▶ Cổ tức đợt 1 năm 2024 đã được tạm ứng trong năm 2024, số tiền là 126.000.000.000 VND (18%).
- ▶ Cổ tức đợt 2 năm 2024 đã được chi trả trong năm 2025, số tiền 84.000.000.000 VND (12%).
- ▶ Cổ tức đợt 1 năm 2025 đã được chi trả vào ngày 06/02/2026, số tiền 70.000.000.000 VND (10%) theo Nghị quyết số 843/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025. Theo thông báo số 2329/TB-SGDHCM ngày 16/12/2025, ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức là ngày 25/12/2025.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
- Công ty Cổ phần				
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45	38.147.600.000	5,45
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	13.587.257.016	13.736.537.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	159.591.802.600	403.401.802.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	89.591.802.600	277.401.802.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	70.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	90.638.122.733	403.551.083.295
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	82.540.936.883	13.587.257.016
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả bằng tiền</i>	82.540.936.883	13.587.257.016

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	155.628.767.479	111.499.166.376

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng thuê văn phòng số HD596/et/REE/22 ngày 15/04/2022 với Công ty TNHH Quản lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E, thuê một phần tòa nhà Etown 1, để sử dụng làm nhà văn phòng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 20/05/2022 đến 19/05/2027. Đơn vị thanh toán tiền thuê văn phòng theo quý.
- ▶ Hợp đồng thuê đất sử dụng làm văn phòng làm việc TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được trả tiền trước một lần cho toàn bộ thời gian sử dụng (Thuyết minh 8).
- ▶ Công ty có các hợp đồng thuê đất tại tỉnh Đồng Nai, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Gia Lai, tỉnh Quảng Ngãi sử dụng để xây dựng công trình thủy điện, nhà máy Điện mặt trời. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	737.025.152.656	747.967.022.575
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.021.656.722	15.536.000.629
Doanh thu khác	-	126.106.214
	752.046.809.378	763.629.129.418
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan	748.827.641.906	757.684.072.227
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

21. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán điện	335.715.362.738	309.060.585.392
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.764.620.105	12.751.773.963
	348.479.982.843	321.812.359.355
Trong đó, mua hàng từ bên liên quan	16.833.106.845	10.992.204.097
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	32.706.682.783	14.294.538.045
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	7.300.000
Cổ tức được chia	2.880.000.000	23.730.000.000
	35.586.682.783	38.031.838.045
Trong đó, doanh thu tài chính từ bên liên quan	2.880.000.000	23.730.000.000
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.664.199.807	19.281.169.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.479.814.882	3.564.486.140
Thuế phí và lệ phí	366.282.002	567.224.400
Chi phí khác	43.303.655.393	35.942.940.575
	67.813.952.084	59.355.820.463

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	58.666.096.000	66.233.196.563
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	4.724.620.431	4.007.925.771
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	990.384.798	531.301.976
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	3.734.235.633	3.476.623.795
	63.390.716.431	70.241.122.334

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	421.872.442	552.369.150
	421.872.442	552.369.150

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	130.496.708	218.133.385
	130.496.708	218.133.385

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	317.453.016.277	350.354.421.130
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	317.453.016.277	350.354.421.130
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
	4.535	5.005

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	133.106.017.582	123.197.582.561
Chi phí nhân công	56.165.810.699	48.355.100.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.883.295.423	97.766.993.635
Chi phí khác	128.529.098.638	111.848.502.624
	417.684.222.342	381.168.179.818

28. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường liên quan đến biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.591.515.458	-	159.591.515.458
Phải thu khách hàng, phải thu khác	252.451.712.272	955.107.000	253.406.819.272
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	767.800.000.000	-	767.800.000.000
	1.179.843.227.730	955.107.000	1.180.798.334.730
01/01/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.540.697.741	-	107.540.697.741
Phải thu khách hàng, phải thu khác	378.550.315.144	895.107.000	379.445.422.144
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	455.000.000.000	15.000.000.000	470.000.000.000
	941.091.012.885	15.895.107.000	956.986.119.885

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2025			
Vay và nợ	52.053.956.580	207.915.826.323	259.969.782.903
Phải trả người bán, phải trả khác	186.097.845.773	-	186.097.845.773
Chi phí phải trả	2.663.346.859	-	2.663.346.859
	240.815.149.212	207.915.826.323	448.730.975.535
01/01/2025			
Vay và nợ	51.903.956.580	259.969.782.903	311.873.739.483
Phải trả người bán, phải trả khác	49.910.911.577	-	49.910.911.577
Chi phí phải trả	1.178.210.091	-	1.178.210.091
	102.993.078.248	259.969.782.903	362.962.861.151

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Thông tin khác

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đảm bảo có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ. Do đó, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 ("PECC1")
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty
Điện lực Miền Nam TNHH
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

Công ty mẹ cao nhất
Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Nguyễn Quang Quyền - TV HĐQT
Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam
Công ty Thủy điện Sông Bung
Công ty Thủy điện Tuyên Quang
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,
Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch khác phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ	748.827.641.906	757.684.072.227
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	736.379.624.723	747.294.193.741
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	11.715.847.860	9.447.738.253
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	316.817.733	318.019.518
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	415.351.590	599.031.109
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	-	25.089.606
Mua hàng	16.833.106.845	10.992.204.097
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	4.510.425.618	4.274.165.732
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	-	220.000.000
Công ty Thủy điện Sông Bung	-	382.754.043
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)	-	174.943.304
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	-	304.583.145
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	65.424.177	192.239.355
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 ("PECC1")	81.551.172	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	425.812.783	406.481.481
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	11.396.476.731	4.417.777.778
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	-	619.259.259
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	353.416.364	-
Cổ tức được chia	2.880.000.000	23.730.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	2.700.000.000	23.625.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	180.000.000	105.000.000
Chia cổ tức	145.607.528.000	376.130.718.920
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	79.951.300.000	206.528.744.500
Công ty TNHH Năng Lượng REE	65.656.228.000	169.601.974.420

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hội đồng quản trị	2.198.169.000	2.161.519.000
Ông Huỳnh Văn Khánh	768.457.000	692.620.000
Ông Nguyễn Văn Non (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)	559.874.000	663.643.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	124.262.000	107.172.000
Ông Lê Tuấn Hải	124.262.000	107.172.000
Ông Phạm Minh Trí	621.314.000	590.912.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.942.074.000	1.723.298.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2025)	234.222.000	-
Ông Nguyễn Hùng Lượng (Miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	569.538.000	590.912.000
Ông Đinh Văn Sơn	621.314.000	590.912.000
Bùi Thị Kim Na	517.000.000	541.474.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau: (tiếp theo)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban kiểm soát	890.862.000	825.718.000
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	642.338.000	611.374.000
Bà Lai Lệ Hương	124.262.000	107.172.000
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	124.262.000	107.172.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

33. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2026.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026